

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 13/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Đức Tôn

Ông Lê Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Linh Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1993 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Lưu Thị L, sinh năm 1966; vợ: Nông Thị N, sinh năm 1999; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 07/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. (Tháng 7/2016 đã chấp hành xong hình phạt tù được trở về địa phương;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-6-2020 đến nay; hiện đang tạm giam

tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hoàng Văn M, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1991 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm LP, xã Đ, huyện T, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Hứa Thị V, sinh năm 1958; vợ: Hoàng Thị V, sinh năm 1991; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-7-2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Lưu Văn T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1994 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Chàng (đã chết) và bà Lương Thị N, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-6-2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

4. Hoàng Văn P, tên gọi khác (Vũ), sinh ngày 13 tháng 6 năm 1996 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1965 và bà Lưu Thị M, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-8-2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

5. Lưu Văn C, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1999 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H, sinh năm 1968 và bà Hứa Thị X, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-9-2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

6. Hoàng Văn K, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1998 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Lý Thị T, sinh năm 1967; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-8-2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

7. Triệu Văn Đ, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1994 tại huyện T, Cao Bằng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn H (đã chết) và bà Lưu Thị S, sinh năm 1970; vợ: Dương Thị N, sinh năm 1994; con: có 01 sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-6-2020 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bào chữa:

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ:* Bà Nông Thị Thu Trang, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật); có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K:* Bà Hà Thị Hạnh, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lương Thị N, sinh năm 1959.

- Lưu Thị L, sinh năm 1966.

- Lưu Thị S, sinh năm 1970.

Cùng trú tại: Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng. (Đều có mặt).

Người làm chứng:

- Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1996. Trú tại: xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương

- Nguyễn Thị N, sinh năm 2003. Trú tại: Khu công nghiệp M, phường T, thị xã , tỉnh Bình Dương

- Hoàng Văn K1, sinh năm 1987

- La Thị H, sinh năm 1994

Cùng trú tại: Đồng Chuộc, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Lê Thị Hoàng T, sinh năm 1992.

Trú tại: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Những người làm chứng được triệu tập đều vắng mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ ngày 26/6/2020 tại khu vực xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ Công tác đồn biên phòng NC phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, phòng An ninh điều tra Công an tỉnh, Đoàn đặc nhiệm Miền Bắc - Cục phòng chống ma túy và tội phạm Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phát hiện Triệu Văn Đ (sinh năm 1994 trú tại Xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng đang điều khiển xe mô tô BKS 11K1 08572 chở Nguyễn Thị N, sinh năm 2003 trú tại Xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau đi theo đường tỉnh lộ 213 vào xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, đi sau Triệu Văn Đ là xe máy BKS 11K1 13266 do Hoàng Văn H điều khiển có dấu hiệu xuất cảnh trái phép. Khi tổ công tác tiến hành kiểm tra thì Triệu Văn Đ bỏ lại xe máy chạy lên đồi, còn Hoàng Văn H và Nguyễn Thị N bị tạm giữ. Khoảng 5 phút sau Lưu Văn T trú tại xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng đi xe máy BKS 11K1 06741 chở Nguyễn Ngọc T và Lê Hoàng Trâm cũng đang hướng vào khu vực biên giới. Các đối tượng đã khai nhận đang trên đường chở người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Tổ công tác đã lập biên bản phạm pháp quả tang tạm giữ người và phương tiện để làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được: Hoàng Văn M quen biết Hoàng Văn H từ năm 2009, giữa năm 2020 qua mạng xã hội Hoàng Văn M tham gia hội “*Những người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Trung Quốc*” sau khi xem bài viết “*Muốn sang Trung Quốc qua đường Cao Bằng*”, Hoàng Văn M quét mã nhóm QR để kết bạn, hai ngày sau có một người đàn ông Trung Quốc tên C hỏi Hoàng Văn M “*có đưa được người từ Thị trấn T, huyện T sang Trung Quốc không, nếu đưa được thì trả công 300CNY/1 người*”, do Hoàng Văn M biết nhà Hoàng Văn H gần biên giới Việt -Trung nên Hoàng Văn M gọi cho Hoàng Văn H để cùng bàn bạc, Hoàng Văn H đồng ý và nói là rủ thêm người thì được Hoàng Văn M đồng ý

sẽ trả tiền công cho những người cùng tham gia, số tiền còn lại Hoàng Văn M và Hoàng Văn H chia đôi. Hoàng Văn M gọi Wechat cho C, C nói khi có người sang Trung Quốc thì C sẽ gửi định vị nơi đón, nơi giao người ở khu vực mốc 802, 804 thuộc địa phận xã Đ và xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng cho Hoàng Văn M. Thống nhất xong Hoàng Văn M lập nhóm Wechat “Đưa đón Việt Trung” có Nick “Hoàng M”, còn Hoàng Văn H lập nhóm Zalo gồm Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C để khi cần thì liên lạc, phân công, mỗi lần đưa người thành công sẽ trả từ 200 - 400 CNY cho một người tham gia. Đối với Triệu Văn Đ thì Hoàng Văn H trả 100.000đồng/1 người khi đưa người đến bãi chứa hàng của công ty V (thuộc xóm K, xã Đ, huyện T), Hoàng Văn H dặn Triệu Văn Đ khi đưa đến nơi chờ thì chỉ cho họ chỗ ẩn nấp để tránh lực lượng Biên phòng tuần tra đường mòn lên mốc biên giới. Từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 26/6/2020 Hoàng Văn M, Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Triệu Văn Đ đã nhiều lần tổ chức đón và đưa người xuất cảnh trái phép qua khu vực mốc 802, 804 thuộc xã Đ và xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hoàng Văn M nhận tin từ C và gọi cho Hoàng Văn H, Hoàng Văn H phân công việc đón người từ các nhà nghỉ trong Thị trấn huyện T, tỉnh Cao Bằng đưa đến bãi V, phân công người canh giới, người dẫn đường, sau khi đưa người đi thành công Hoàng Văn H nhận tiền từ Hoàng Văn M và chia tiền cho những người cùng tham gia, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 6/2020, Hoàng Văn M gọi điện cho Hoàng Văn H, Hoàng Văn H gọi điện cho nhóm Zalo Hoàng Văn H đã lập trước đó, Hoàng Văn P ra đầu làng Lũng Lầu, xã Ngọc Khê thì gặp Lưu Văn T, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Hoàng Văn P được Hoàng Văn H phân công cùng Lưu Văn C canh giới lực lượng Biên phòng đi tuần tra; còn Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn K đưa 05 người từ bãi V đến khu vực mốc 802, 804 giao cho một người đàn ông Trung Quốc, sau khi nhận tiền Hoàng Văn M đưa cho Hoàng Văn H, Hoàng Văn H trả tiền cho Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C mỗi người 200 CNY (nhân dân tệ), số còn lại Hoàng Văn H, Hoàng Văn M chia nhau nhưng cả hai người không nhớ mỗi người được bao nhiêu CNY.

Lần thứ hai: Sau lần đầu khoảng 3-4 ngày, Hoàng Văn H gọi Zalo cho Lưu Văn C, Lưu Văn T, Hoàng Văn K, Hoàng Văn P ra đầu làng Lũng Lầu và phân

công Hoàng Văn P, Hoàng Văn K làm nhiệm vụ canh giới, nhóm Hoàng Văn H đón 06 người từ một chiếc xe ô tô tại bãi V, sau đó Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn C, Lưu Văn T dẫn một người theo đường mòn đến mốc 802, 804 sau khi giao người và nhận tiền từ một người đàn ông Trung Quốc, Hoàng Văn M đưa cho Hoàng Văn H, Hoàng Văn H đưa cho Hoàng Văn P 150 CNY, Lưu Văn C 200 CNY, Lưu Văn T và Hoàng Văn K được mỗi người 400 CNY, số tiền còn lại Hoàng Văn H, Hoàng Văn M chia đôi.

Lần thứ ba: Sau lần thứ hai khoảng 04 ngày Hoàng Văn M gọi điện cho Hoàng Văn H đón 6 người ở bãi V, Hoàng Văn M hướng dẫn nhóm người này đường đi lên khu vực mốc 802, 804, Hoàng Văn H phân công Hoàng Văn P và Lưu Văn C làm nhiệm vụ canh giới, còn Hoàng Văn M, Hoàng Văn H, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Lưu Văn T dẫn những người này theo đường mòn và giao cho một người đàn ông Trung Quốc, Hoàng Văn M nhận tiền đưa cho Hoàng Văn H, sau đó Hoàng Văn H chia tiền cho Hoàng Văn P, Lưu Văn C mỗi người 200CNY, đưa cho Lưu Văn T và Hoàng Văn K mỗi người 300CNY, phần của Hoàng Văn H, Hoàng Văn M mỗi người được khoảng 300 CNY.

Lần thứ tư: Sau lần thứ ba khoảng 06 ngày, Hoàng Văn M gọi cho Hoàng Văn H nói có người đi Trung Quốc ở bãi V, người Trung Quốc đang đợi ở khu vực mốc 802, 804 đón, Hoàng Văn H không trực tiếp dẫn đường mà chỉ điều hành qua điện thoại và phân công Hoàng Văn P làm nhiệm vụ canh giới, phân công Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn K dẫn đường, sau khi Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn K giao người cho một người đàn ông Trung Quốc, cả ba người không ai được nhận tiền và quay về nhà luôn, mấy ngày sau Hoàng Văn P được Hoàng Văn H đưa 150CNY, còn Lưu Văn C, Lưu Văn T, Hoàng Văn K được mỗi người 400CNY, số còn lại Hoàng Văn H và Hoàng Văn M chia đôi nhưng không nhớ được bao nhiêu CNY.

Lần thứ năm: Sau lần thứ tư khoảng 02 ngày, Hoàng Văn M gọi cho Hoàng Văn H đón người, Hoàng Văn H gọi qua mạng xã hội bảo mọi người ra đầu làng Lũng Lầu, khi đã gặp nhau, Hoàng Văn H phân công Hoàng Văn P và Lưu Văn C canh giới, còn Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Hoàng Văn K đưa 4 người đi theo đường mòn đến khu vực mốc 802, 804 giao cho một người đàn ông Trung Quốc và quay

về luôn, vài ngày sau Hoàng Văn P, Lưu Văn T, Hoàng Văn K, Lưu Văn C được Hoàng Văn H đưa mỗi người đưa 200CNY.

Lần thứ sáu: Chiều ngày 26/6/2020, Hoàng Văn H gọi Zalo cho mọi người tập trung gần bưu điện huyện T, khi Hoàng Văn P, Triệu Văn Đ đi xe máy ra đã thấy Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Hoàng Văn M, lúc sau có Lưu Văn C và Hoàng Văn K đến, Hoàng Văn H phân công đón 08 người ở nhiều nhà nghỉ khác nhau tại thị trấn huyện T, sau khi đón được người Triệu Văn Đ đang chở Nguyễn Thị N, Hoàng Văn H đi xe máy theo sau; Lưu Văn T chở Lê Thị Hoàng T và Nguyễn Ngọc T; Lưu Văn C và Hoàng Văn P mỗi xe máy chở hai người (không biết tên, tuổi, địa chỉ) hướng vào biên giới thì Hoàng Văn P nhận được tin Hoàng Văn K báo Hoàng Văn H đã bị bắt nên Lưu Văn C, Hoàng Văn P cho người xuống và đi xe máy quay về nhà, sau đó thì bị Bộ đội biên phòng NC triệu tập để làm việc và vụ án được chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn M, Hoàng Văn H khai nhận trong tháng 6/2020 đến khi bị bắt đã nhiều lần được cùng các bị cáo khác tổ chức nhiều lần cho người khác xuất cảnh trái phép qua khu vực mốc 802, 804, số lần và số tiền từng lần đã được hưởng lợi không thể nhớ được nhưng Hoàng Văn M thừa nhận được hưởng lợi 1.500CNY; Hoàng Văn H được hưởng lợi 2.500CNY.

Theo tỷ giá hối hối đoái tại công văn số 839/CAB-TH ngày 29/10/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Cao Bằng thì 01 CNY quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm là: 3.252,19 đồng.

Đối với Triệu Văn Đ khi được Hoàng Văn H gọi điện đón người để đưa sang Trung Quốc làm thuê, Triệu Văn Đ đồng ý, Hoàng Văn H và Triệu Văn Đ thống nhất Triệu Văn Đ đón được một người đưa đến bãi V, Hoàng Văn H sẽ trả công cho Triệu Văn Đ 100.000 đồng nên chiều ngày 23/6/2020 khi Hoàng Văn H gọi Triệu Văn Đ đi xe máy đến quán cơm K, thị trấn T, huyện T gặp Hoàng Văn H và Hoàng Văn M, sau khi Triệu Văn Đ đưa một người đàn ông và người phụ nữ đến bãi quặng K, xã Đ, huyện T và chỉ cho hai người chỗ nấp và đường mòn đến mốc 802, 804 theo lời dẫn của Hoàng Văn H rồi Triệu Văn Đ quay về nhà, sau đó được Hoàng Văn H trả công 200.000 đồng theo thỏa thuận; chiều tối ngày 25/6/2020

Hoàng Văn H lại gọi Triệu Văn Đ đến quán cơm K đón 02 người chở đến bãi quặng K, xã Đ, huyện T, lần này Triệu Văn Đ cũng được Hoàng Văn H trả 200.000 đồng. Đến chiều tối ngày 26/6/2020 Hoàng Văn H gọi cho Triệu Văn Đ đón Nguyễn Thị N tại quán cơm K, khi Triệu Văn Đ đang chở Nguyễn Thị N đến xóm H, xã Đ thì gặp lực lượng Biên phòng, Triệu Văn Đ bỏ lại xe máy bỏ chạy lên đồi, đến ngày 27/6/2020 thì Triệu Văn Đ bị bắt.

Ngày 12-11- 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số 57/CTr-VKSCB(P1) ngày 12-11-2020, truy tố Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Hoàng Văn K về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố Triệu Văn Đ về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi các bị cáo đã thực hiện và truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng.

-Bị cáo Hoàng Văn H khai: Vào năm 2009, bị cáo có quen biết một người đàn ông tên Hoàng Văn M, sinh năm 1991 (trú tại xóm L, xã Đ, huyện T, Cao Bằng) và giữ mối quan hệ, liên lạc từ đó tới nay. Vào đầu tháng 6/2020, Hoàng Văn M gọi điện thoại di động cho tôi, để đặt vấn đề thuê đón người có nhu cầu vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc. Địa điểm đón từ thị trấn T, huyện T đi vào khu vực biên giới rồi vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc với giá tiền là 200CNY (nhân dân tệ)/1 người khi đưa sang Trung Quốc thành công. Bị cáo đã được đưa người sang Trung Quốc 6 lần với số lượng là 36 người, đến lần thứ sáu thì bị bắt. Tất cả những lần tôi đưa người sang Trung Quốc đều do Hoàng Văn M giới thiệu và thuê tôi đưa đi. Số điện thoại của Hoàng Văn M là 0349680830 và 0888364663. Sau khi Hoàng Văn M thuê, bị cáo đã gọi điện thuê Triệu Văn Đ, Lưu Văn T, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Hoàng Văn P là người cùng xóm bịch áo để cùng nhau đưa sang Trung Quốc. Bị cáo đã trả tiền cho Triệu Văn Đ, Lưu Văn T, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Hoàng Văn P đưa người từ thị trấn T, huyện T đến giáp biên ở khu vực mốc 63, 64 cũ mỗi người là 100CNY. Đưa mỗi người đi sang Trung Quốc tôi được hưởng lợi hơn 200.000 VNĐ. Khoảng 17 giờ 31 phút ngày

26/6/2020, bị cáo gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N theo số điện thoại 0835370192 để đến đón chị Nguyễn Thị N từ nhà nghỉ M 2 ở thị trấn T, huyện T để sang Trung Quốc, bị cáo gọi cho chị Nguyễn Thị N 4 cuộc và đến đón ở đường tròn trước cửa khách sạn M 2 bằng xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 13266 nhãn hiệu Sirius rồi đưa ra quán cơm K ở thị trấn T, huyện T. Tại đây có Triệu Văn Đ và Hoàng Văn M. Khi ngồi ở đây, ba chúng tôi đã bàn bạc, phân công cùng nhau chở Nguyễn Thị N sang Trung Quốc qua đường mòn giữa mố 63, 64 cũ. Triệu Văn Đ là người chở Nguyễn Thị N bằng xe máy biển kiểm soát 11K1- 06572 nhãn hiệu Wave RSX. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Triệu Văn Đ chở Nguyễn Thị N đi trước, tôi đi giữa, Hoàng Văn M đi sau và cùng nhau đưa Nguyễn Thị N vào khu vực xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng để sang Trung Quốc. Khi đến khu vực xóm G, xã N, huyện T thì bị lực lượng Biên phòng kiểm tra, bắt giữ.

Tôi (Hoàng Văn H) đã được đưa 6 lần tổng là 36 người và được hưởng lợi 2.500 CNY, tương đương số tiền 8.130.475 đồng tiền VND.

-Bị cáo Hoàng Văn M khai: Từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 26/6/2020, tôi nhận được tin để đón người sang Trung Quốc **06** (sáu) lần, trong đó có 02 lần chưa thực hiện và đón, đưa người người thì nhận được tin báo bên Trung Quốc không nhận người nên không tổ chức đưa đi, còn 4 lần tôi đưa người sang Trung Quốc và nhận được tiền công. Trong các lần thực hiện việc đón, đưa người sang Trung Quốc, phía người thông tin để tôi đón người đưa sang Trung Quốc báo định vị, vị trí đưa người sang Trung Quốc qua khu vực mố 63,5 (là theo định vị báo) nằm trên địa phận xã N hoặc xã Đ của huyện T thì tôi không rõ do tôi ở xã Đ. Vì thế nên tôi mới gọi Hoàng Văn H là người ở xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng để cùng nhau thực hiện. Mỗi lần được báo có khách tôi gọi cho Hoàng Văn H, Hoàng Văn H có gọi thêm một vài người cùng làng với Hoàng Văn H mà sau này mới biết tên là Hoàng Văn K, Hoàng Văn P, Lưu Văn T, Lưu Văn C. Tôi đã được đưa 6 lần tổng cộng là 36 người và được hưởng lợi 1.500 CNY, tương đương số tiền 4.878.258 đồng tiền VND.

Bị cáo Lưu Văn T khai: Tôi được một người đàn ông tên Hoàng Văn H là người cùng xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng thuê đón và chở hai người phụ nữ từ thị trấn T, huyện T vào đến bãi V rồi sau đó sẽ tiếp tục đi vào đến gần khu vực

mốc 63, 64 cũ. Sau đó để xe máy ở gần cách mốc 63, 64 cũ khoảng 50m và đi bộ qua khu vực mốc 63, 64 sang Trung Quốc, đi vào sâu trong nội địa đất Trung Quốc khoảng 20 phút thì có người đàn ông Trung Quốc đeo khẩu trang ra đón. Sau đó tôi, anh Hoàng Văn H và một số người khác quay về Việt Nam theo đường cũ, mỗi lần đưa người vượt biên sang Trung Quốc trót lọt tôi được anh Hoàng Văn H trả công. Tôi đã được 6 lần đưa 30 người và được hưởng lợi 1.500 CNY, tương đương số tiền 4.878.258 đồng tiền VND.

-Bị cáo Hoàng Văn K khai: Trong tháng 6/2020, tôi được thực hiện việc đón và đưa người sang Trung Quốc 06 lần. Mỗi lần cách nhau từ 3-4 ngày, tôi không nhớ ngày diễn ra từng lần cụ thể như nào. Trong 6 lần tôi tham gia đều có mặt Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn H. Tôi đã được đưa 5 lần người vượt biên trái phép tổng cộng là 28 người và được Hoàng Văn H trả tiền công là 1.500 CNY, tương đương số tiền 4.878.258 đồng tiền VND.

-Bị cáo Lưu Văn C khai: Từ khoảng đầu tháng 6/2020 đến ngày 20/6/2020, tôi và Hoàng Văn H cùng với Triệu Văn Đ, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn T đã cùng nhau tổ chức đưa nhiều lượt người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Cụ thể như sau: Vào đầu tháng 6/2020, Hoàng Văn H gọi điện thoại cho tôi nói là đưa người Việt Nam vượt biên giới sang Trung Quốc, làm xong Hoàng Văn H sẽ trả công, nhiệm vụ cụ thể từng lần Hoàng Văn H sẽ giao khác nhau, tiền công cũng trả khác nhau. Tôi đã được Hoàng Văn H thuê 06 (sáu) lần đưa người vượt biên trái phép tổng cộng là 28 người và được Hoàng Văn H trả tiền công là 1.200 CNY, tương đương số tiền 3.902.000 đồng tiền VND.

-Bị cáo Hoàng Văn P khai: Trong tháng 6/2020, tôi được cùng Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn K, Triệu Văn Đ, Hoàng Văn M thực hiện việc đón rồi đưa người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc 05 lần. Trong những lần tôi thực hiện thì có 5 lần thực hiện cùng Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn K, còn Triệu Văn Đ thì tôi chỉ thấy mặt 2 lần, mỗi lần tôi cùng những người có tên trên thực hiện cách nhau khoảng 3- 4 ngày và do Hoàng Văn H trực tiếp gọi điện thoại cho tôi qua mạng xã hội facebook. Sau mỗi lần đưa người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc trót lọt thì Hoàng Văn H Là người trực tiếp trả tiền công cho tôi. Tôi đã được 5 lần đưa người vượt biên trái phép tổng

cộng là 28 người và được Hoàng Văn H trả tiền công là 950 CNY, tương đương số tiền 3.089.580 đồng tiền VND.

-Bị cáo Triệu Văn Đ khai: Khoảng 17 giờ ngày 26/6//2020, tôi đang ở nhà thì Hoàng Văn H gọi cho tôi điện thoại của Hoàng Văn H là 0865 990 926, Hoàng Văn H bảo tôi vào thị trấn T, huyện T đón người vào biên giới điểm K, xã Đ, huyện T. Tôi nhận lời Hoàng Văn H và đi ra thị trấn gặp Hoàng Văn H tại quán K, lúc đó Hoàng Văn H đưa cho tôi 200.000đ nói là trả tiền cho tôi đưa người đi chuyển trước. Tôi thống nhất với Hoàng Văn H đưa người phụ nữ từ quán K vào bãi quặng K, xã Đ, huyện T và hướng dẫn cho người phụ nữ chạy vào nấp trong đường mòn. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Hoàng Văn H bảo người phụ nữ lên xe tôi. Tôi chở người phụ nữ vào biên giới theo đường tỉnh lộ 213, khi đi đến đường mòn thì đứng đợi, tôi rẽ vào đường mòn thì bị lực lượng biên phòng bắt giữ, tôi và Hoàng Văn H đã bỏ chạy lên đồi. Tôi đã được chở 3 lần được 05 (năm) người từ thị trấn T, huyện T vào biên giới, lần thứ 3 thì bị bắt. Tôi được Hoàng Văn H trả tiền công cho 400.000 đồng tiền VND.

Các nhân chứng Nguyễn Thị N, Nguyễn Ngọc T, Lê Thị Hoàng T, Hoàng Văn K1, La Thị H đều khai nhận: Do có nhu cầu sang Trung Quốc lao động làm thuê nên thông qua mạng xã hội hoặc những người quen được hướng dẫn đi đến Cao Bằng và di chuyển vào huyện T, tỉnh Cao Bằng, trong ngày 09, 10/6/2020 nhóm người này đang ở các nhà nghỉ ở thị trấn huyện T, tỉnh Cao Bằng thì có điện thoại gọi liên hệ, đón đi vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Nhưng khi đang di chuyển lên biên giới thì bị phát hiện và mời lên đồn NC để làm rõ ; Hoàng Văn K1, La Thị H và một số người khác đã vượt được biên giới đi sâu vào nội địa Trung Quốc, trên đường đi có người đã nộp khoản tiền 2.500CNY/1 người cho Hoàng Văn M, những người chưa nộp sẽ trừ vào tiền lương hàng tháng khi sang Trung Quốc, nhưng đến ngày 11/6/2020 bị Công an Trung Quốc bắt sau đó trao trả cho phía Việt Nam ngày 06/7/2020.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị N, Lưu Thị S, Lưu Thị L khai: Đối với phương tiện là xe máy các bị cáo Hoàng Văn H, Lương Văn Lưu Văn T, Triệu Văn Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là tài sản của gia

đình, khi các bị cáo lấy xe máy đi thực hiện hành vi phạm tội, gia đình không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe máy cho gia đình sử dụng.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội khẳng định Cáo trạng truy tố các truy tố Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Hoàng Văn K về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố Triệu Văn Đ về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về hình hình phạt:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Hoàng Văn K, Triệu Văn Đ phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn M từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C mỗi bị cáo 07 năm tù.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 05 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

** Truy thu số tiền do phạm tội mà có đối với các bị cáo để nộp ngân sách*

Nhà nước, cụ thể:

- Hoàng Văn H: 2500CNY x 3.252,19 đồng = 8.130.475 đồng
- Hoàng Văn M: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878,258 đồng
- Lưu Văn T: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878,258 đồng
- Hoàng Văn P: 950CNY x 3.252,19 đồng = 3.089,580 đồng
- Hoàng Văn K: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878,258 đồng
- Lưu Văn C: 1.200CNY x 3.252,19 đồng = 3.902,628 đồng
- Triệu Văn Đ: 400.000 đồng.

** Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:*

1. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn H:

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Điện thoại của bị cáo Hoàng Văn H”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS biển kiểm soát 11K1- 13266. Xe đã qua sử dụng. Số khung RLCUE3740KY009703, số máy E32VE020253 và tiếp tục tạm giữ ½ giá trị chiếc xe máy để bảo đảm thi hành án.

- 01 (một) đăng ký xe mang tên Hoàng Văn H.

Trả lại cho Hoàng Văn H: Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và 900 CNY (chín trăm nhân dân tệ) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn M:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y83A, màu đen đã qua sử dụng, có số IMEL: 868013046125757, số IMEL2: 868013046125740, có gắn 02 (hai) sim điện thoại.

Trả lại cho Hoàng Văn M:

- 01 chứng minh nhân dân số: 080563946 mang tên Hoàng Văn M.

- 01 giấy phép lái xe số : AP051295 mang tên Hoàng Văn M

- Số tiền 10.250.000đ (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Lưu Văn T:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “ĐTDD của bị can Lưu Văn T”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS biển kiểm soát 11K1- 06741. Xe đã qua sử dụng. Số khung RLCS5C6H0FY111621, số máy 5C6H111633 nhưng tiếp tục tạm giữ ½ giá trị chiếc xe máy để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho Lưu Văn T số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn K:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động thu giữ của Hoàng Văn K”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

5. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn P:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Văn P”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

6. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Triệu Văn Đ:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu WAVE RSX biển kiểm soát 11K1-06572, xe đã qua sử dụng, cũ nát, vỡ nhiều chỗ. Số khung RLHJA3120EY040509, số máy JA31E0215762; 01 (một) điện thoại di động của Triệu Văn Đ, tạm giữ ngày 27/6/2020. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Đoàn biên phòng NC, huyện T, Cao Bằng.

Bà Nông Thị Thu Trang trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn Đ, Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn M: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên cần xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội, các bị cáo sinh sống vùng biên giới nước Trung Quốc, do hoàn cảnh khó khăn, chỉ vì hám lời nên đã cùng nhau bàn bạc tổ chức cho người lao động xuất

cảnh sang Trung Quốc trái phép; các bị cáo Triệu Văn Đ, Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn M đều khai báo thành khẩn, các bị cáo phạm tội lần đầu, trình độ văn hóa thấp, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Bộ luật hình sự; tại phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước, vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất; đề nghị xem xét trả lại xe máy cho gia đình các bị cáo Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Triệu Văn Đ quản lý sử dụng.

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Hoàng Văn H, Lưu Văn T, Lưu Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn M không có lời bào chữa bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K, bà Hà Thị Hạnh trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội: Bị cáo có trình độ văn hóa 6/12, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước, vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Khánh hưởng mức hình phạt thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Hoàng Văn K không có lời bào chữa bổ sung.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Hoàng Văn

K, Lưu Văn T, Triệu Văn Đ và những người tham gia tổ tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Qua mạng xã hội, năm 2020 Hoàng Văn M quen biết người đàn ông Trung Quốc tên C, hai bên thống nhất đưa một người từ thị trấn T, huyện T sang Trung Quốc lao động làm thuê trót lọt, Hoàng Văn M sẽ được hưởng 300 CNY nên Hoàng Văn M đã gặp Hoàng Văn H để cùng bàn bạc, Hoàng Văn H đồng ý và rủ thêm Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ cùng tham gia. Từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 26/6/2020 Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C đã thực hiện 06 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực mốc 802, 804 huyện T, tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

- Hoàng Văn H đã 06 lần đưa 36 người và được hưởng lợi 2500CNY x 3.252,19 đồng = 8.130.475 đồng;

- Hoàng Văn M đã 06 lần đưa 36 người và được hưởng lợi 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878.258 đồng;

- Lưu Văn T đã 05 lần đưa 30 người được hưởng lợi 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878.258 đồng;

- Hoàng Văn P, Hoàng Văn K và Lưu Văn C đã 06 lần đưa 28 người, Hoàng Văn P được hưởng lợi 950CNY x 3.252,19 đồng = 3.089.580 đồng, Hoàng Văn K được hưởng lợi 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878.258 đồng, Lưu Văn C được hưởng lợi 1.200CNY x 3.252,19 đồng = 3.902.628 đồng.

- Riêng Triệu Văn Đ được 03 lần đưa 05 người xuất cảnh trái phép và được hưởng số tiền 400.000 đồng.

Xét thấy hành vi của các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Hoàng Văn K, Triệu Văn Đ đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê nhưng không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo

quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Hoàng Văn K về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Triệu Văn Đ về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này Hoàng Văn H và Hoàng Văn M giữ vai trò chính, thông qua mạng xã hội, Hoàng Văn M quen biết người đàn ông Trung Quốc tên C, hai bên thống nhất đưa một người từ thị trấn T, huyện T sang Trung Quốc lao động làm thuê trót lọt, Hoàng Văn M sẽ được hưởng 300 CNY nên Hoàng Văn M đã gặp Hoàng Văn H để cùng bàn bạc, Hoàng Văn H đồng ý và rủ thêm Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ cùng tham gia. Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn K, Hoàng Văn P, Lưu Văn C, Lưu Văn T, Triệu Văn Đ có vai trò đồng phạm giúp sức, được Hoàng Văn H phân công nhiệm vụ cảnh giới, dẫn đường, giao người cho người đàn ông Trung Quốc.

Hành vi đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19 và sự chỉ đạo của các ngành các cấp đối với hoạt động ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép qua biên giới. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để xử lý người phạm tội, đồng thời tuyên truyền pháp luật trong quần chúng nhân dân về hành vi xuất nhập cảnh trái phép. Do vậy việc đưa các bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*** Về nhân thân:**

Bị cáo Hoàng Văn H là người có nhân thân xấu: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong bản án, nhưng cần xử phạt bị cáo Hoàng Văn H mức án cao hơn so với bị cáo Hoàng Văn M.

Các Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ đều là những người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

*** Về tình tiết tăng nặng:** Các bị cáo Hoàng Văn H; Hoàng Văn M; Lưu Văn T; Hoàng Văn P; Hoàng Văn K; Lưu Văn C và Triệu Văn Đ phải chịu một tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

*** Về tình tiết giảm nhẹ:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo về hành phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về việc xử lý vật chứng: Xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng: Vật chứng không còn giá trị sử dụng thì cần tịch thu tiêu hủy; vật chứng là điện thoại các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước; vật chứng xe máy là tài sản chung của gia đình nhưng các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, do vậy cần tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe để lấy tiền nộp ngân sách nhà nước; các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo. Truy thu số tiền các bị cáo do phạm tội mà để nộp ngân sách nhà nước.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại Công văn số 839/CAB-TH ngày 29/10/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Cao Bằng thì 01 CNY quy ra tiền ra Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 29/10/2020 là: 3.252,19 đồng. Do vậy, các bị cáo phải nộp truy thu vào ngân sách Nhà nước số tiền như sau: Hoàng Văn H: 2500CNY x 3.252,19 đồng = 8.130.475 đồng; Hoàng Văn M: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878,258 đồng; Lưu Văn T: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878,258 đồng; Hoàng Văn P: 950CNY x 3.252,19 đồng = 3.089,580 đồng; Hoàng Văn K: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878,258 đồng; Lưu Văn C: 1.200CNY x 3.252,19 đồng = 3.902,628 đồng; Triệu Văn Đ: 400.000 đồng.

[6] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, người đàn ông tên C (người Trung Quốc) được liên lạc qua mạng xã hội với Hoàng Văn M để đưa người sang Trung Quốc trái phép, tuy nhiên Hoàng Văn M không biết lai lịch của C nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

Đối với các đối tượng có hành vi xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi đến chính quyền địa phương nơi cư trú để nhắc nhở, răn đe, xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ phạm tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H **09** (chín) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 26-6-2020

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm

g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn M **08** (tám) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 15-7-2020

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn T **07 năm 06 tháng** tù (*Bảy năm sáu tháng*). Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 27-6-2020

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn P **07** (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 18-8-2020.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn C **07** (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 04-9-2020.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn K **07** (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 18-8-2020.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 27-6-2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Truy thu số tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể đối với từng bị cáo:*

- Hoàng Văn H: 2500CNY x 3.252,19 đồng = 8.130.475 đồng
- Hoàng Văn M: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878.258 đồng
- Lưu Văn T: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878.258 đồng
- Hoàng Văn P: 950CNY x 3.252,19 đồng = 3.089,580 đồng

- Hoàng Văn K: 1500CNY x 3.252,19 đồng = 4.878.258 đồng
- Lưu Văn C: 1.200CNY x 3.252,19 đồng = 3.902.628 đồng
- Triệu Văn Đ: 400.000 đồng.

Xác nhận gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ toàn bộ số tiền trên vào sáng ngày 13/01/2021, có biên lai thu tiền lưu trong hồ sơ vụ án. Toàn bộ số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo sẽ tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

** Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:*

1. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn H:

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “Điện thoại của bị can Hoàng Văn H”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS biển kiểm soát 11K1- 13266. Xe đã qua sử dụng. Số khung RLCUE3740KY009703, số máy E32VE020253 và tiếp tục tạm giữ ½ giá trị chiếc xe máy để bảo đảm thi hành án.

- 01 (một) đăng ký xe mang tên Hoàng Văn H.

Trả lại cho Hoàng Văn H: Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và 900 CNY (chín trăm nhân dân tệ). Có kết luận giám định kèm theo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn M:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y83A, màu đen đã qua sử dụng, có số IMEL: 868013046125757, số IMEL2: 868013046125740, có gắn 02 sim điện thoại.

Trả lại cho Hoàng Văn M:

- 01 chứng minh nhân dân số: 080563946 mang tên Hoàng Văn M.

- 01 giấy phép lái xe số: AP051295 mang tên Hoàng Văn M

- Số tiền 10.250.000đ (mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Lưu Văn T:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “ĐTĐĐ của bị can Lưu Văn

T”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS biển kiểm soát 11K1- 06741. Xe đã qua sử dụng. Số khung RLCS5C6H0FY111621, số máy 5C6H111633 và tiếp tục tạm giữ ½ giá trị chiếc xe máy để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho Lưu Văn T số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn K:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động thu giữ của Hoàng Văn K”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

5. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Hoàng Văn P:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Văn P”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

6. Vật chứng, tài sản tạm giữ của Triệu Văn Đ:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu WAVE RSX biển kiểm soát 11K1-06572. Xe đã qua sử dụng, cũ nát, vỡ nhiều chỗ. Số khung RLHJA3120EY040509, số máy JA31E0215762

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại của Triệu Văn Đ, sinh năm 1994 tạm giữ ngày 27/6/2020”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Đoàn Biên phòng NC, huyện T, Cao Bằng.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số 19 ngày 25-11-2020.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn M, Lưu Văn T, Hoàng Văn P, Hoàng Văn K, Lưu Văn C, Triệu Văn Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị N, Lưu Thị L, Lưu Thị S có mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT Công an T. Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ